

PHÒNG GDĐT QUẬN 12
THCS NGUYỄN CHÍ THANH

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC LỰC, HÀNH KIỂM
CẢ NĂM - NĂM HỌC 2021-2022

STT	Tên lớp	Số học sinh	Số học sinh		Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện								Danh hiệu			
			Lên lớp		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		HSXS		HSG	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
2	TỔNG KHỐI 6	258	258	100	151	58.53	87	33.72	20	7.75			255	98.84	3	1.16					59	22.87	92	35.66
3	6A1	29	29	100	27	93.1	2	6.9					29	100							14	48.28	13	44.83
4	6A2	28	28	100	22	78.57	4	14.29	2	7.14			26	92.86	2	7.14					12	42.86	10	35.71
5	6A3	29	29	100	18	62.07	10	34.48	1	3.45			28	96.55	1	3.45					6	20.69	12	41.38
6	6A4	29	29	100	15	51.72	12	41.38	2	6.9			29	100							10	34.48	5	17.24
7	6A5	29	29	100	14	48.28	14	48.28	1	3.45			29	100							2	6.9	12	41.38
8	6A6	29	29	100	15	51.72	10	34.48	4	13.79			29	100							8	27.59	7	24.14
9	6A7	30	30	100	15	50	12	40	3	10			30	100							3	10	12	40
10	6A8	27	27	100	12	44.44	10	37.04	5	18.52			27	100							1	3.7	11	40.74
11	6A9	28	28	100	13	46.43	13	46.43	2	7.14			28	100							3	10.71	10	35.71

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)


Đặng Thị Thanh Huyền

Quận 12, ngày 29 tháng 5 năm 2022


HIỆP TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
* Lại Thị Bạch Hương

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC LỰC, HẠNH KIỂM
CẢ NĂM - NĂM HỌC 2021-2022

STT	Tên lớp	Số học sinh	Số học sinh		Học lực										Hành kiểm								Danh hiệu			
			Lên lớp		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Tiên tiến	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
12	TỔNG KHỐI 7	242	242	100	145	59.92	83	34.3	14	5.79					237	97.93	5	2.07					144	59.5	84	34.71
13	7A1	27	27	100	14	51.85	13	48.15							27	100							14	51.85	13	48.15
14	7A2	28	28	100	25	89.29	3	10.71							28	100							25	89.29	3	10.71
15	7A3	26	26	100	19	73.08	7	26.92							26	100							19	73.08	7	26.92
16	7A4	25	25	100	14	56	10	40	1	4					25	100							14	56	10	40
17	7A5	27	27	100	14	51.85	12	44.44	1	3.7					27	100							14	51.85	12	44.44
18	7A6	27	27	100	14	51.85	11	40.74	2	7.41					22	81.48	5	18.52					13	48.15	12	44.44
19	7A7	28	28	100	14	50	11	39.29	3	10.71					28	100							14	50	11	39.29
20	7A8	28	28	100	16	57.14	8	28.57	4	14.29					28	100							16	57.14	8	28.57
21	7A9	26	26	100	15	57.69	8	30.77	3	11.54					26	100							15	57.69	8	30.77
22	TỔNG KHỐI 8	203	203	100	124	61.08	60	29.56	19	9.36					190	93.6	13	6.4					123	60.59	61	30.05
23	8A1	28	28	100	22	78.57	6	21.43							28	100							22	78.57	6	21.43
24	8A2	29	29	100	21	72.41	7	24.14	1	3.45					26	89.66	3	10.34					21	72.41	7	24.14
25	8A3	30	30	100	16	53.33	10	33.33	4	13.33					29	96.67	1	3.33					16	53.33	10	33.33
26	8A4	29	29	100	19	65.52	7	24.14	3	10.34					28	96.55	1	3.45					19	65.52	7	24.14
27	8A5	29	29	100	15	51.72	9	31.03	5	17.24					26	89.66	3	10.34					15	51.72	9	31.03
28	8A6	30	30	100	16	53.33	10	33.33	4	13.33					25	83.33	5	16.67					15	50	11	36.67
29	8A7	28	28	100	15	53.57	11	39.29	2	7.14					28	100							15	53.57	11	39.29
30	TỔNG KHỐI 9	248	248	100	149	60.08	82	33.06	17	6.85					246	99.19	2	0.81					149	60.08	82	33.06
31	9A1	28	28	100	17	60.71	9	32.14	2	7.14					28	100							17	60.71	9	32.14

STT	Tên lớp	Số học sinh	Học lực												Hạng kiểm								Đánh hiệu			
			Lên lớp		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Tiên tiến	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
32	9A2	28	28	100	17	60.71	7	25	4	14.29					27	96.43	1	3.57					17	60.71	7	25
33	9A3	27	27	100	19	70.37	7	25.93	1	3.7					27	100							19	70.37	7	25.93
34	9A4	28	28	100	17	60.71	10	35.71	1	3.57					27	96.43	1	3.57					17	60.71	10	35.71
35	9A5	28	28	100	14	50	11	39.29	3	10.71					28	100							14	50	11	39.29
36	9A6	27	27	100	15	55.56	11	40.74	1	3.7					27	100							15	55.56	11	40.74
37	9A7	27	27	100	13	48.15	11	40.74	3	11.11					27	100							13	48.15	11	40.74
38	9A8	27	27	100	20	74.07	6	22.22	1	3.7					27	100							20	74.07	6	22.22
39	9A9	28	28	100	17	60.71	10	35.71	1	3.57					28	100							17	60.71	10	35.71

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

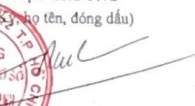


Đặng Thị Thanh Huyền

Quận 12, ngày 29 tháng 5 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ tên, đóng dấu)


Lê Thị Bạch Hương